

Số: 1516/2025/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 115, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 826/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Căn cước công dân số: 096088014406 cấp ngày 26/01/2022 Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Vũ Anh T1, sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 079189032702 cấp ngày 12/8/2021 tại Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: 136/26 Đặng Văn N, phường P (Phường A, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số C đường S, Ấp A, xã C (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc cùng lời trình bày của những người yêu cầu, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Vũ Anh T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Vũ Anh T1 cư trú trên địa bàn xã C, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Vũ Anh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 03 tháng 6 năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 0023679), do vậy hôn nhân của ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận hai bên thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T và bà T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà T1 vẫn yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, ông T và bà T1 yêu cầu ly hôn là thật sự tự nguyện, do đó căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án ghi nhận ông T và bà T1 thuận tình ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: có 02 con chung Nguyễn Hữu L, sinh ngày 20/12/2014 và Nguyễn Hà L1, sinh ngày 08/02/2019.

Hai bên thống nhất yêu cầu giao con chung Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hà L1 cho bà Nguyễn Vũ A Thy trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ L và trẻ T1 lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và tự nguyện chịu lệ phí Tòa án, do đó theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông T và bà T1 phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Vũ Anh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Hữu L, sinh ngày 20/12/2014 và Nguyễn Hà L1, sinh ngày 08/02/2019.

Sau khi ly hôn, ông T và bà T1 thống nhất yêu cầu giao 02 con chung Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hà L1 cho bà Nguyễn Vũ Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Cụ thể tiền cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung lần lượt trưởng thành. Thi hành ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Vũ Anh T1 chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0023679 ngày 07/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà T1 nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau ngày 03/6/2014;
(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100-2014, quyển số 01/2014);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thương